

Bản án số: 108/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2024

*V/v tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL – TỈNH BL**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Như*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Quốc Bảo

2. Ông Danh Hưởng

*- T ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên.*

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *NG đơn:* Chị Trần Thị Ái NG, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp M, xã VT, huyện PL, tỉnh BL. (*Vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp M, xã VT, huyện PL, tỉnh BL. (*Vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án NG đơn chị Trần Thị Ái NG trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện sống chung từ năm 1999, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã VT cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay do vợ chồng sống chung không hợp nhau. Nay chị NG yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị NG và anh T có hai người con chung là Trần Thị Như Y, sinh ngày 13/12/2000 và Trần Thị Thanh T, sinh ngày 15/6/2005. Do cháu Ý và cháu T đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống mình nên chị NG không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị NG không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với NG đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị NG được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị NG phải chịu 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị NG khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T, anh T đang cư trú trên địa bàn huyện PL nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện PL thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị NG có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị NG và anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị NG và anh T tự nguyện sống chung từ năm 1999 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị NG và anh T là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên chị NG và anh T đã ly thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay. Xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, nhưng chị NG và anh T không sống chung với nhau mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn hôn nhân. Mặc khác, Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không đến, như vậy anh T đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Từ đó cho thấy, hôn nhân của chị NG và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị NG, cho chị NG được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của chị NG thì chị NG và anh T có 02 người con chung là Trần Thị Như Ý, sinh ngày 13/12/2000 và Trần Thị Thanh T, sinh ngày 15/6/2005, cháu Ý và cháu T đã

thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị NG phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh T không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Ái NG được ly hôn anh Trần Văn T.
2. Về con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Trần Thị Ái NG phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị NG đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006804 ngày 15/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL nên được chuyển sang thu án phí.  
Anh Trần Văn T không phải chịu án phí.
5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- TAND tỉnh BL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Ngọc Như**